

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre

PHƯƠNG THỊ NGỌC MAI

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách, bao gồm: (i) Nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật; (ii) Giá cả các loại dịch vụ; (iii) Môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng; (iv) An ninh trật tự. Từ đó, tác giả đề xuất một số gợi ý nhằm nâng cao sự hài lòng của du khách đối với đầy mạnh phát triển du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre.

Từ khóa: sự hài lòng, du lịch sinh thái, tỉnh Bến Tre

Summary

This study aims to analyze the determinants of visitors' satisfaction with ecotourism areas in Ben Tre province. The fruit points out four influential factors which are Human resources, safety and facilities; Service prices; Natural environment, education and conservation, benefits for the community; Security. From this finding, a number of suggestions are provided to enhance their satisfaction so as to boost ecotourism areas in the province.

Keywords: satisfaction, ecotourism, Ben Tre province

GIỚI THIỆU

Bến Tre là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, có vị trí địa lý, địa hình, nguồn tài nguyên thuận lợi cho khai thác và kinh doanh du lịch với dòng sản phẩm đặc trưng là trải nghiệm cuộc sống người dân sông nước miệt vườn. Ngoài ra, tỉnh Bến Tre có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển, như: bờ biển dài 65km; lãnh thổ được bao bọc bởi 4 con sông lớn là: Tiền Giang, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên; cùng với hệ thống kênh rạch chằng chịt, nhiều bãi bồi, cồn nổi thích hợp cho việc phát triển du lịch biển... Cơ hội và tiềm năng để phát triển du lịch của tỉnh Bến Tre là rất lớn, trong đó du lịch sinh thái và du lịch văn hóa - lịch sử ngày càng thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế. Hiện nay, Tỉnh cũng đã có những định hướng nhằm đưa ngành "công nghiệp không khói" trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm của Tỉnh.

Trong bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái của tỉnh Bến Tre.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu thứ cấp trong bài được thu thập từ sách, báo, tạp chí và trên internet. Nguồn dữ liệu này được xử lý bằng phương pháp so sánh, đánh giá, phân tích và tổng hợp nhằm đảm bảo tính giá trị và tính phù hợp đối với những dữ liệu được thừa kế.

Dữ liệu sơ cấp có được từ phỏng vấn trực tiếp 300 du khách nội địa bằng bảng hỏi từ (12/2019-03/2020). Phương pháp lấy mẫu là phi xác suất thuận tiện. Sau khi sàng lọc còn lại 280 mẫu hợp lệ. Phần mềm SPSS 20 for Windows được dùng để xử lý bảng hỏi thông qua các phương pháp sau: thống kê mô tả (tần suất và số trung bình); phân tích phương sai một yếu tố, đánh giá độ tin cậy thang đo (Scale Reliability Analysis); phân tích tương quan giữa hai biến số (sử dụng hệ số tương quan Pearson) và phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis).

* Khoa Du lịch và Ẩm thực, Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh
\(_v_\) nhận bài: 16/6/2020; Ngày phân biên: 06/7/2020; Ngày duyệt đăng: 25/7/2020

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng hoạt động tại các khu du lịch du thái tại tỉnh Bến Tre

Kết quả khảo sát cho thấy, du khách đánh giá yếu tố hấp dẫn nhất đối với du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre bao gồm: Sự đa dạng các loại cây ăn trái, chiếm tỷ lệ 28,7%; Nơi đây thích hợp cho hoạt động dã ngoại, cắm trại, chiếm tỷ lệ 24,6%, tiếp đến là Khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp, chiếm 21,4%. Ngoài ra, du khách còn bị hấp dẫn bởi các yếu tố khác, như: sự thân thiện, mến khách của người dân địa phương hay được thưởng thức các món ăn đặc sản... (Hình 1).

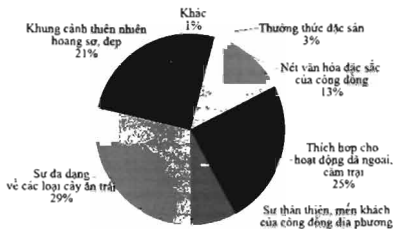
Kết quả khảo sát cũng cho thấy, du khách biết du lịch sinh thái Bến Tre chủ yếu qua: Người thân, bạn bè, chiếm tỷ lệ 28,2%; Internet là 26,4% và Công ty du lịch, chiếm 17,1% (Hình 2). Các hoạt động của du khách khi đến Bến Tre chủ yếu tham gia các trò chơi đặc sắc, như: câu cá sấu, đi trên dây, đu tàu dừa, đi cầu khỉ, đạp xe thăng bằng... Ngoài ra, du khách được thưởng thức trái cây ngon ngay tại vườn, như: chôm chôm, nhãn, dứa... uống trà mật ong trong lúc ngắm nga đôn ca tài tử, và được đắm chìm trong vẻ vãn những món ăn đặc sản của xứ dừa, như: kẹo dừa, tàu hủ dừa làm gỏi, đuông dừa, hay các món hải sản tươi sống: ốc gạo luộc, ốc gạo xào sả ớt, bánh bèo nhân ốc gạo...

Bảng 1 cho thấy, du khách đến với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre rất hài lòng với cảnh quan thiên nhiên, dịch vụ tham quan ăn uống; an ninh, trật tự, an toàn; hướng dẫn viên; lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng. Ở mức hài lòng với: Phương tiện vận chuyển tham quan; Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan và ở mức bình thường đối với các yếu tố còn lại. Du khách cảm thấy khá hấp dẫn về các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre (đạt 3,83 điểm).

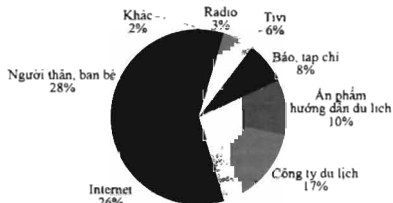
Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre

Để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tỉnh Bến Tre, tác giả sử dụng 10 biến đo lường: (1) Cảnh quan thiên nhiên; (2) Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái; (3) Phương tiện tham quan; (4) Dịch vụ ăn uống, mua sắm, tham quan; (5) Cơ sở lưu trú; (6) An ninh trật tự và an toàn; (7) Hướng dẫn

HÌNH 1: YẾU TỐ HẤP DẪN DU LỊCH SINH THÁI TỈNH BẾN TRE



HÌNH 2: NGUỒN THÔNG TIN VỀ DU LỊCH SINH THÁI TỈNH BẾN TRE



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

BẢNG 1: SỰ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH VỀ DU LỊCH SINH THÁI TẠI TỈNH BẾN TRE

Nhân tố	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Kết luận
Cảnh quan thiên nhiên	4,38	0,78	Rất hài lòng
Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái	3,40	0,86	Bình thường
Phương tiện vận chuyển tham quan	3,48	0,79	Hài lòng
Dịch vụ ăn uống, tham quan	3,46	0,73	Rất hài lòng
Cơ sở lưu trú	3,40	0,78	Bình thường
An ninh, trật tự, an toàn	3,47	0,78	Rất hài lòng
Hướng dẫn viên	4,48	0,74	Rất hài lòng
Giá cả các loại dịch vụ	3,38	0,72	Bình thường
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	4,38	0,79	Hài lòng
Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng	4,46	0,79	Rất hài lòng

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

viên; (8) Giá cả các dịch vụ; (9) Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan; (10) Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng. Để loại bỏ những biến đo lường có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh (corrected item - total correlation) nhỏ hơn 0,3 (do không đủ độ tin cậy) (Hoàng Trọng, Chu Nguyễn

BẢNG 2: SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA MỨC ĐỘ HÀI LÒNG, DỰ ĐỊNH QUAY TRỞ LẠI VÀ GIỚI THIÊU ĐẾN NGƯỜI KHÁC CỦA DU KHÁCH

		Mức độ hài lòng	Sự quay trở lại	Giới thiệu
Mức độ hài lòng	Tương quan Pearson		1	
	Sig. (2-phía)			
Sự quay trở lại	Tương quan Pearson	,638**		1
	Sig. (2-phía)	,000		
Giới thiệu	Tương quan Pearson	,675**		1
	Sig. (2-phía)	,000		

** : Mức ý nghĩa $\alpha \leq 0,01$

BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CRONBACH'S ALPHA

Nhân tố	Tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến này	Cronbach's Alpha
Cảnh quan thiên nhiên	0.865	0.930	0.847
Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái	0.729	0.785	
Phương tiện vận chuyển tham quan	0.794	0.864	
Dịch vụ ăn uống, tham quan	0.769	0.806	
Cơ sở lưu trú	0.795	0.936	
An ninh, trật tự, an toàn	0.867	0.942	
Hướng dẫn viên	0.896	0.902	
Giá cả các loại dịch vụ	0.795	0.876	
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	0.764	0.893	
Lợi ích du lịch sinh thái mang lại cho cộng đồng	0.753	0.861	

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

BẢNG 4: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT'S CÁC BIẾN

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser - Meyer - Olkin		,751
Measure of sampling adequacy	Approx. Chi - square	8409,119
Bartlett's Test of Sphericity	df	1176
	Sig.	0,000

Nguồn: Tính toán của tác giả

Mông, 2008 và 2011) và đảm bảo Cronbach's Alpha từ 0,8-1, thì thang đo lường là tốt, từ 0,7-0,8 thì thang đo lường sử dụng được.

Sau khi đánh giá độ tin cậy của thang đo các biến (Bảng 2) cho thấy, không có biến nào có hệ số tương quan biến nhỏ hơn 0,5 và Cronbach's Alpha = 0,847 (Bảng 3). Như vậy, thang đo lường các biến là tốt, do đó 10 biến đo lường đều phù hợp để phân tích nhân tố khám phá ở các bước tiếp theo.

Để kiểm tra mức độ phù hợp của dữ liệu, tác giả dùng kiểm định KMO (Kaiser - Meyer - Olkin Measure of sampling adequacy) và kiểm định Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity) (KMO $\geq 0,9$: Rất tốt;

KMO $\geq 0,8$: Tốt; KMO $\geq 0,7$: Được; KMO $\geq 0,6$: Tam được; KMO $\geq 0,5$: Xấu và KMO $< 0,5$: Không thể chấp nhận được). Nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. $> 0,05$, thì không nên áp dụng phân tích nhân tố khi kiểm định, chỉ số KMO của dữ liệu = 0,751 và Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 $< 0,05$: có ý nghĩa thống kê. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's các biến như Bảng 4 thích hợp cho phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Trong phân tích nhân tố, tác giả sử dụng phép trích Principal Components với phép quay Varimax. Nhằm đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích EFA, cần loại những biến đo lường có hệ số tải nhân tố không đạt tiêu chuẩn ở từng nhân tố. Hệ số nhân tố là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích EFA (0,3 < Hệ số tải nhân tố $\leq 0,4$ được xem là đạt mức tối thiểu; 0,4 < Hệ số tải nhân tố $\leq 0,5$: Quan trọng; hệ số tải nhân tố $> 0,5$: Có ý nghĩa thực tiễn). Với mẫu nghiên cứu là 280, biến đo lường được chọn khi có hệ số tải nhân tố $> 0,55$. Sau khi loại bỏ những biến đo lường không đạt yêu cầu, thì được kết quả như Bảng 5.

Bảng 5 cho thấy, có 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, gồm: (1) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 11 biến đo lường và được đặt tên là: "Nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật"; (2) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 4 biến đo lường và được đặt tên là: "Giá cả các loại dịch vụ"; (3) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 6 biến đo lường và được đặt tên là: "Môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng"; (4) Nhóm nhân tố "An ninh trật tự" chịu sự tác động của 3 biến đo lường.

Qua Bảng 6, ta có các phương trình điểm số nhân tố sau:

$$F1 = 0,196X1 + 0,194X2 + 0,185X3 + 0,189X4 + 0,193X5 + 0,173X6 + 0,187X7 + 0,185X8 + 0,198X9 + 0,199X10 + 0,197X11$$

Trong số 11 biến đo lường của nhóm nhân tố Nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật, thì có X10, X9, X11, X1, X12. X5 có ảnh hưởng mạnh đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

$$F2 = 0,286X12 + 0,27V13 + 0,296X14 + 0,195X15$$

BẢNG 5: MA TRẬN NHÂN TỐ SAU KHI XOAY

Biến quan sát	Nhân tố			
	1	2	3	4
Sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên	0,872			
Hướng dẫn viên có kiến thức tổng hợp nhiều lĩnh vực khác nhau	0,869			
Sự thân thiện, nhiệt tình của nhân viên	0,835			
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khéo léo của nhân viên	0,796			
Các phương tiện vận chuyển tham quan an toàn	0,903			
Có nhiều nhà hàng phù hợp với DLST	0,798			
Có nhiều điểm tham quan ở các tuyến khác nhau	0,875			
Phòng nghỉ rộng rãi, thoáng mát	0,859			
Đường sá sử dụng cho DLST rộng rãi, thông thoáng	0,893			
Trang bị đầy đủ áo phao trên các phương tiện đường thủy	0,892			
Các bến tàu sử dụng cho phương tiện đường thủy rộng rãi, an toàn	0,851			
Giá cả dịch vụ tham quan hợp lý		0,786		
Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lý		0,895		
Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý		0,766		
Giá cả dịch vụ mua sắm hợp lý		0,795		
Khung cảnh thiên nhiên sông nước, đẹp			0,941	
Sự đa dạng về các loại cây ăn trái			0,906	
Môi trường tự nhiên trong lành			0,897	
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan			0,879	
Du lịch sinh thái mang lại lợi ích cho cộng đồng			0,805	
Rác thải được xử lý tốt			0,769	
Quản lý tốt vấn đề ăn xin				0,758
Quản lý tốt vấn đề chèo kéo, thách giá				0,804
Quản lý tốt vấn đề trộm cắp				0,796

BẢNG 6: MA TRẬN ĐIỂM SỐ NHÂN TỐ

Biến quan sát	Nhân tố			
	1	2	3	4
Sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên (X1)	0,196			
Hướng dẫn viên có kiến thức tổng hợp nhiều lĩnh vực khác nhau (X2)	0,194			
Sự thân thiện, nhiệt tình của nhân viên (X3)	0,185			
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khéo léo của nhân viên (X4)	0,189			
Các phương tiện vận chuyển tham quan an toàn (X5)	0,193			
Có nhiều nhà hàng phù hợp với DLST (X6)	0,173			
Có nhiều điểm tham quan ở các tuyến khác nhau (X7)	0,187			
Phòng nghỉ rộng rãi, thoáng mát (X8)	0,185			
Đường sá sử dụng cho DLST rộng rãi, thông thoáng (X9)	0,198			
Trang bị đầy đủ áo phao trên các phương tiện đường thủy (X10)	0,199			
Các bến tàu sử dụng cho phương tiện đường thủy rộng rãi, an toàn (X11)	0,197			
Giá cả dịch vụ tham quan hợp lý (X12)		0,286		
Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lý (X13)		0,267		
Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý (X14)		0,296		
Giá cả dịch vụ mua sắm hợp lý (X15)		0,195		
Khung cảnh thiên nhiên sông nước, đẹp (X16)			0,261	
Sự đa dạng về các loại cây ăn trái (X17)			0,278	
Môi trường tự nhiên trong lành (X18)			0,276	
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan (X19)			0,259	
Du lịch sinh thái mang lại lợi ích cho cộng đồng (X20)			0,287	
Rác thải được xử lý tốt (X21)			0,196	
Quản lý tốt vấn đề ăn xin (X22)				0,256
Quản lý tốt vấn đề chèo kéo, thách giá (X23)				0,287
Quản lý tốt vấn đề trộm cắp (X24)				0,296

Nguồn: Tính toán của tác giả

Trong số 4 biến đo lường của nhóm nhân tố Giá cả các loại dịch vụ, thì có 3 nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre là X14, X12, X13.

$$F3 = 0,261X16 + 0,278X17 + 0,276X18 + 0,259X19 + 0,287X20 + 0,196X21$$

Trong số 6 biến đo lường của nhóm nhân tố Môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng, thì có 5 nhân tố: X20, X17, X18, X19 có ảnh hưởng mạnh đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

$$F4 = 0,256X21 + 0,287X23 + 0,296X24$$

Trong số 3 biến đo lường của nhóm nhân tố An ninh trật tự, thì có X24, X23 có ảnh hưởng mạnh đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, gồm: Nguồn nhân lực, an toàn và cơ sở vật chất kỹ thuật; Giá cả các loại dịch vụ; Môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng; An ninh trật tự.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao sự hài lòng của du khách đối với các khu du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên phục vụ du lịch sinh thái chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ, có nhiều kiến thức tổng hợp, kỹ năng giao tiếp và ứng xử khôn khéo, nhạy bén. Với đội ngũ nhân viên, đặc biệt là nhân viên cơ sở lưu trú và phương tiện vận chuyển tham quan, cần được đào tạo, tập huấn về phong cách phục vụ đối với những nhóm khách khác nhau, thông thạo về một số ngoại ngữ, như: tiếng Anh, tiếng Pháp... Sự ân cần, nhiệt tình của nhân viên là yếu tố giúp du khách hài lòng về điểm du lịch.

Thứ hai, các phương tiện phục vụ cho du lịch cần đảm bảo độ an toàn, đặc biệt đối với các thuyền cần có áo phao đầy đủ và hướng dẫn du khách mặc khi ngồi thuyền. Giá cả các dịch vụ phải được niêm yết cụ thể. Đối với các nhà hàng, cần thống nhất một mức giá trên cùng một sản phẩm. Khu gian hàng bán các sản phẩm của cộng đồng, cần thông dịch về giá sản phẩm ra một số ngoại ngữ, như: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Hàn...

Thứ ba, giữ gìn môi trường tự nhiên với vẻ đẹp sông nước miền Tây, không bị ảnh hưởng bởi con người. Việc xây dựng các công trình cũng phải xem xét kỹ lưỡng, không để ảnh hưởng xấu đến các loài sinh vật và cảnh quan. Lồng ghép giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan vào các tuyến tham quan, có những chương trình hành động cụ thể. Tạo điều kiện để cộng đồng địa phương đặc biệt là những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tham gia vào những hoạt động du lịch sinh thái.

Thứ tư, để du khách có thể yên tâm khi du lịch tại các khu du lịch sinh thái, tỉnh Bến Tre cần quan tâm đầy mạnh vấn đề an ninh. Các hoạt động kinh doanh du lịch cần được kiểm tra kỹ, không để xảy ra tình trạng thách giá, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; tránh tình trạng ăn xin, trộm cắp, chèo kéo du khách...

Thứ năm, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh du lịch sinh thái Bến Tre đến du khách thông qua các kênh thông tin và đặc biệt là việc thành lập website về du lịch sinh thái Bến Tre bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt, có sự tương tác cao. Đây cũng chính là công cụ giúp du khách có thể trực tiếp đăng ký tour hoặc tìm kiếm thông tin về du lịch sinh thái. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Tho (2012). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Nxb Lao động - Xã hội
2. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 1 và 2. Nxb Hồng Đức
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011). *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, Nxb Hồng Đức
4. Đào Thị Bích Nguyệt (2012). *Phát triển du lịch Nha Trang theo hướng bền vững*. Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
5. Bùi Trọng Tiến Bão (2018). Nghiên cứu các yếu tố tác động đến nhận thức của du khách và cộng đồng địa phương về phát triển bền vững du lịch vùng Đồng Tháp Mười. *Tạp chí Công Thương*, số 12, 136-144
6. Cao Hào Thi (2014). *Tương quan hồi quy và tuyến tính*. truy cập từ <http://fita.hua.edu.vn/thicw/files/TinUD/Ly%20thuyet%20Tuong%20quan--Hoi%20quy.pdf>